

Số: 62/2021/QĐST – HNGĐ

G, ngày 25 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: ông Vũ Quốc T, sinh năm 1959.

Trú tại: thôn Ch, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: bà Lương Thị H, sinh năm 1971.

Trú tại: thôn Ch, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Vũ Quốc T và bà Lương Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Vũ Quốc T và bà Lương Thị H có một con chung là cháu Vũ Thanh Vân, sinh ngày 26/4/2011. Giao cháu Vũ Thanh V cho bà Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông Vũ Quốc T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với bà H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một

triệu đồng), bắt đầu từ tháng 11/2021 cho đến khi cháu Vũ Thanh V đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Ông Vũ Quốc T và bà Lương Thị H tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Lương Thị H phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho ông Vũ Quốc T. Trả lại cho ông Vũ Quốc T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003958, ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện G (02 bản);
- Chi cục THADS huyện G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã Ninh An, huyện Hoa Lư (01 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q